

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG NHÂN LỰC QUỐC TẾ VÀ THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Theo Quyết định số 808/QĐ-LĐTBXH ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Công ty được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại. Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100110415 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 11 năm 2010. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100110415, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 10 tháng 11 năm 2020, Vốn điều lệ là 97.299.300.000 đồng, (Chín mươi bảy tỷ, hai trăm chín mươi chín triệu, ba trăm ngàn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên sàn UpCOM với mã SON.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: International Manpower Supply And Trade Joint Stok Company.

Tên giao dịch viết tắt: SONA., JSC.

Trụ sở chính Công ty đặt tại: Số 34 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại: Số 2/43 đường Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Trung tâm Dạy nghề và Đào tạo Lao động SONA tại: Thôn Do Hạ, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Đặng Huy Hồng
Ông Nguyễn Đức Nam
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga
Ông Đinh Tất Lợi
Ông Trịnh Duy Chấn
Ông Phạm Văn Thắng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 26/10/2020)
Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 26/10/2020)
Thành viên
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/6/2020)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/6/2020)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/6/2020)

Ban Kiểm soát:

Bà Lê Thị Hà
Ông Vũ Đức Thắng
Bà Trần Việt Phương

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc:

Ông Nguyễn Đức Nam
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga
Ông Đinh Tất Lợi

Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26/10/2020)
Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/10/2020)
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Lãnh đạo, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Lãnh đạo,



Nguyễn Đức Nam
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

*Số: 133/2021/BCKT-CPA VIETNAM-NVI***BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính năm 2020
của Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương Mại

Kính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương Mại**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương Mại, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa phản ánh chi phí lãi vay lũy kế đến thời điểm 31/12/2020 đối với các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Chi nhánh Hà Thành, Chi nhánh Bách Khoa và Chi nhánh Tràng An (thuyết minh số 5.13 Vay ngắn hạn). Do hạn chế về mặt tài liệu, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định được chi phí lãi vay phát sinh lũy kế đến thời điểm 31/12/2020. Do đó, chúng tôi không thể xác định xem có cần thực hiện các điều chỉnh đối với chi phí tài chính trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác đang trình bày trên Báo cáo tài chính.

Công ty chưa phân bổ chi phí trả trước lũy kế đến thời điểm 31/12/2020 để xác định kết quả kinh doanh với số tiền là 6,17 tỷ đồng, giá trị cần phân bổ trong năm 2020 là 3,085 tỷ đồng, theo đó, bất cứ sự điều chỉnh nào (nếu có) cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Công ty chưa thực hiện các thủ tục đánh giá khả năng thu hồi của các khoản công nợ quá hạn làm cơ sở trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Theo ước tính của Kiểm toán viên, giá trị cần trích lập bổ sung là 17,28 tỷ đồng. Theo đó, bất cứ sự điều chỉnh nào (nếu có) cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Ngọc Ân
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Khánh Minh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4484-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		60.500.055.231	66.768.583.277
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.183.094.552	7.762.529.068
1. Tiền	111		5.183.094.552	7.762.529.068
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	20.000.000.000	20.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.699.263.046	30.949.149.292
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	12.345.791.884	13.707.856.962
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	7.749.352.338	8.080.868.229
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	7.604.118.824	9.160.424.101
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.617.697.633	8.056.904.917
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	6.175.918.719	6.175.918.719
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.389.711.647	1.802.593.686
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	52.067.267	78.392.512
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		75.697.617.064	78.921.461.127
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.000.000.000	1.015.300.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1.000.000.000	1.015.300.000
II. Tài sản cố định	220		67.658.163.689	70.680.900.202
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	59.665.956.352	62.505.761.313
- Nguyên giá	222		95.240.301.549	94.950.301.549
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.574.345.197)	(32.444.540.236)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	7.992.207.337	8.175.138.889
- Nguyên giá	228		9.146.577.712	9.146.577.712
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.154.370.375)	(971.438.823)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.787.494.553	6.014.664.743
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	5.787.494.553	6.014.664.743
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.251.958.822	1.210.596.182
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	1.251.958.822	1.210.596.182
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		136.197.672.295	145.690.044.404

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		56.423.201.420	58.969.268.775
I. Nợ ngắn hạn	310		30.518.149.398	34.179.751.182
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	3.322.651.401	4.250.800.607
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	381.316.661	477.490.488
3. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		123.600.000	399.750.000
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	2.731.666.646	2.178.430.000
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	23.958.914.690	26.873.280.087
II. Nợ dài hạn	330		25.905.052.022	24.789.517.593
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	25.905.052.022	24.789.517.593
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	5.14	79.774.470.875	86.720.775.629
I- Vốn chủ sở hữu	410		79.774.470.875	86.720.775.629
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		97.299.300.000	97.299.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		97.299.300.000	97.299.300.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.245	1.245
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(17.524.830.370)	(10.578.525.616)
LNST chưa phân phối lũy kế	421a		(10.669.453.301)	(10.696.969.898)
- đến cuối kỳ trước				
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(6.855.377.069)	118.444.282
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN				
(440 = 300+400)	440		136.197.672.295	145.690.044.404

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Man

ban



Đỗ Thị Phương Mai

Vương Thị Tố Loan

Nguyễn Đức Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

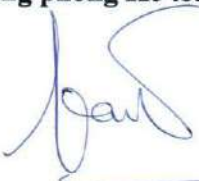
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	18.747.585.714	33.585.068.822
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		18.747.585.714	33.585.068.822
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	13.407.110.533	19.813.557.671
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5.340.475.181	13.771.511.151
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	1.045.256.401	398.841.419
7. Chi phí tài chính	22	5.18	402.327.496	24.327.480
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		390.881.024	24.326.530
8. Chi phí bán hàng	25	5.19	3.389.343.063	3.467.746.610
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.19	9.926.432.777	10.571.903.045
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(7.332.371.754)	106.375.435
11. Thu nhập khác	31	5.20	476.994.685	117.065.853
12. Chi phí khác	32	5.20	-	104.997.006
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		476.994.685	12.068.847
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(6.855.377.069)	118.444.282
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(6.855.377.069)	118.444.282
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	(704,57)	12,17

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị








Đỗ Thị Phương Mai

Vương Thị Tố Loan

Nguyễn Đức Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(6.855.377.069)	118.444.282
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	3.312.736.513	3.572.935.278
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(778.255.456)	(148.125.889)
- Chi phí lãi vay	06	390.881.024	24.326.530
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.930.014.988)	3.567.580.201
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.521.798.799)	(10.083.548.880)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	5.538.977.547	7.694.133.776
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(41.362.640)	488.428.734
- Tiền lãi vay đã trả	14	(390.881.024)	(24.326.530)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	9.226.192.329	10.000.721.616
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(5.005.437.000)	(9.108.409.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(124.324.575)	2.534.579.917
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(319.000.000)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(20.000.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	778.255.456	148.125.889
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	459.255.456	(19.851.874.111)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.914.365.397)	(815.566.970)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.914.365.397)	(815.566.970)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(2.579.434.516)	(18.132.861.164)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.762.529.068	25.895.390.232
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.183.094.552	7.762.529.068

Người lập



Đỗ Thị Phương Mai

Trưởng phòng Kế toán



Vương Thị Tố Loan

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Đức Nam

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị trực thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Theo Quyết định số 808/QĐ-LĐTBXH ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Công ty được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại. Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100110415 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 11 năm 2010. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100110415, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 10 tháng 11 năm 2020, Vốn điều lệ là 97.299.300.000 đồng, (Chín mươi bảy tỷ, hai trăm chín mươi chín triệu, ba trăm ngàn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên sàn UpCOM với mã SON.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: International Manpower Supply And Trade Joint Stok Company.

Tên giao dịch viết tắt: SONA., JSC.

Trụ sở Công ty đặt tại: Số 34 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số Lao động của Công ty bình quân năm 2020 là 87 người, năm 2019 là 95 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dạy nghề: ngoại ngữ và giáo dục định hướng đối với người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài và theo nhu cầu xã hội;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa (trừ các loại Nhà nước cấm).

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Cung ứng lao động xuất khẩu nước ngoài, dạy nghề, ngoại ngữ và giáo dục định hướng đối với người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc Doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các Đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại, tại Số 10 Đường số 5, Khu dân cư Tân Trường, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trung tâm Đào tạo lao động Xuất khẩu Sona tại: Thôn Do Hạ, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của thị trường lao động thế giới như thị trường lao động Nhật Bản, Hàn Quốc, Rumani, thị trường Trung đông, do đó trong năm tài chính Công ty bị ảnh hưởng bởi Dịch covid 19, các quy định về quản lý lao động tại các nước này, làm hạn chế việc xuất khẩu lao động ra các thị trường này, ảnh hưởng đến doanh thu hoạt động của Công ty.

1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Từ đầu năm 2020, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với cùng kỳ năm trước thì doanh thu hoạt động năm 2020 của Công ty giảm 46% so với năm 2019. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, năm 2020 Công ty chưa thuộc đối tượng được sự hỗ trợ từ Chính phủ.

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày 31/12/2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày 31/12/2020.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá – 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013, thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (tiếp theo)*****Nguyên tắc kế toán*****Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, điều chỉnh theo giá trị xác định giá trị doanh nghiệp tại Quyết định số 1696/QĐ-LĐTBXH ngày 24/12/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Một thành viên Cung ứng nhân lực Quốc tế và Thương mại tại thời điểm 01/01/2014, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng gồm toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	15
Máy móc thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải	03 – 06

Tài sản cố định vô hình là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng để có được quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện tại tài sản cố định vô hình của Công ty đang trích khấu hao 50 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí công cụ dụng cụ Công ty ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo thời gian không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Công ty chưa phản ánh chi phí lãi vay lũy kế đến 31/12/2020. Do hạn chế về mặt tài liệu, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định được chi phí lãi vay phát sinh lũy kế đến 31/12/2020.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: phí môi giới xuất khẩu lao động; không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm. Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo Pháp Luật về Thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng trong năm Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ xuất khẩu lao động, không có bộ phận hoạt động kinh doanh khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.059.156.543	1.226.437.431
Tiền gửi ngân hàng	4.123.938.009	6.458.790.819
Tiền đang chuyển	-	77.300.818
Tổng	5.183.094.552	7.762.529.068

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng	20.000.000.000	20.000.000.000

(*) Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng, lãi suất tùy từng hợp đồng từ 5,1% đến 7,2%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.3 Các khoản phải thu khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	12.345.791.884	13.707.856.962
Công ty TNHH Tân Nghệ An	5.231.489.365	5.231.489.365
Công ty Hongde (HK) IMP EXP LTD	1.497.864.130	1.497.864.130
Phải thu đối tượng khác	5.616.438.389	6.978.503.467
Tổng	12.345.791.884	13.707.856.962

5.4 Các khoản trả trước cho người bán

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH TM DV Đông Phương T.B	4.261.668.000	4.261.668.000
Công ty TNHH Chè Hoàng Mai	726.659.871	726.659.871
Công ty TNHH SX & TM Quốc tế Âu Lạc	1.207.777.404	1.207.777.404
Các đối tượng khác	1.553.247.063	1.884.762.954
Tổng	7.749.352.338	8.080.868.229

5.5 Các khoản phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	7.604.118.824	-	9.160.424.101	-
Phải thu khác	3.998.791.824	-	5.897.580.853	-
Lao động tại Libia	554.449.084	-	554.449.084	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.822.141.473	-	2.822.141.473	-
Chi nhánh HCM	176.650.351	-	176.650.351	-
Lãi tiền gửi dự thu	-	-	783.434.325	-
Các khoản phải thu khác	445.550.916	-	1.560.905.620	-
Tạm ứng	3.605.327.000	-	3.262.843.248	-
Dài hạn	1.000.000.000	-	1.015.300.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	1.015.300.000	-
Tổng	8.604.118.824	-	10.175.724.101	-

Đơn vị tính: VND

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	6.175.918.719	6.175.918.719
Chi phí môi giới tạo nguồn	6.175.918.719	6.175.918.719
Dài hạn	1.251.958.822	1.210.596.182
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.251.958.822	1.210.596.182
Tổng	7.427.877.541	7.386.514.901

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG NHÂN LỰC QUỐC TẾ VÀ THƯƠNG MẠI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2020	72.178.705.341	15.977.105.662	6.794.490.546	94.950.301.549
Tăng trong năm	-	290.000.000	-	290.000.000
Mua trong năm	-	290.000.000	-	290.000.000
Số dư tại 31/12/2020	72.178.705.341	16.267.105.662	6.794.490.546	95.240.301.549
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2020	16.326.331.139	10.521.057.191	5.597.151.906	32.444.540.236
Tăng trong năm	1.838.015.448	883.347.781	408.441.732	3.129.804.961
Khấu hao trong năm	1.838.015.448	883.347.781	408.441.732	3.129.804.961
Số dư tại 31/12/2020	18.164.346.587	11.404.404.972	6.005.593.638	35.574.345.197
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 01/01/2020	55.852.374.202	5.456.048.471	1.197.338.640	62.505.761.313
Số dư tại 31/12/2020	54.014.358.754	4.862.700.690	788.896.908	59.665.956.352

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 5.311.852.724 đồng, tại ngày 31/12/2019 là 5.311.852.724 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2020	9.146.577.712	9.146.577.712
Số dư tại 31/12/2020	9.146.577.712	9.146.577.712
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2020	971.438.823	971.438.823
Tăng trong năm	182.931.552	182.931.552
Khấu hao trong năm	182.931.552	182.931.552
Số dư tại 31/12/2020	1.154.370.375	1.154.370.375
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2020	8.175.138.889	8.175.138.889
Số dư tại 31/12/2020	7.992.207.337	7.992.207.337

5.9 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Trụ sở làm việc Công ty	5.787.494.553	5.842.028.552
Tổng	5.787.494.553	5.842.028.552

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là khoản chi phí san lấp mặt bằng thừa đất tại Lô E2, Khu đô thị mới quận Cầu Giấy Hà Nội để làm Văn phòng làm việc, hiện nay đang xúc tiến hợp tác đầu tư xây dựng tòa nhà hỗn hợp Văn phòng và trung tâm thương mại.

5.10 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	3.322.651.401	3.322.651.401	4.250.800.607	4.250.800.607
Đoàn Lao động tại Algeria	-	-	628.800.605	628.800.605
Nghiệp đoàn Eco Lead	494.321.979	494.321.979	355.439.911	355.439.911
Đoàn TTS tại FUJI - Nhật Bản	-	-	517.672.480	517.672.480
Nghiệp đoàn Osaka	466.250.000	466.250.000	246.050.000	246.050.000
Các đối tượng khác	2.362.079.422	2.362.079.422	2.502.837.611	2.502.837.611
Tổng	3.322.651.401	3.322.651.401	4.250.800.607	4.250.800.607

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
Phải nộp	477.490.488	967.215.664	1.063.389.491	381.316.661
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	90.927.685	90.927.685	-
Thuế thu nhập cá nhân	477.490.488	224.859.451	321.033.278	381.316.661
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	648.428.528	648.428.528	-
Thuế môn bài		3.000.000	3.000.000	-
	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
Phải thu	78.392.512	26.325.245	-	52.067.267
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.282.025	-	-	26.282.025
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	52.110.487	26.325.245	-	25.785.242

5.12 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	2.731.666.646	2.178.430.000
Bảo hiểm xã hội	56.642.896	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	16.600.000
Phải trả, phải nộp khác	2.675.023.750	2.161.830.000
<i>Đoàn LĐ thuyền viên tại Hàn Quốc</i>	<i>1.470.680.000</i>	<i>896.376.458</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>1.204.343.750</i>	<i>1.265.453.542</i>
Dài hạn	25.905.052.022	24.789.517.593
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	25.905.052.022	24.789.517.593
Tổng	28.636.718.668	26.967.947.593

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG NHÂN LỰC QUỐC TẾ VÀ THƯƠNG MẠI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Vay và thuê tài chính

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Số có khả năng				Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	23.958.914.690	23.958.914.690	-	2.914.365.397	26.873.280.087	26.873.280.087
<i>Vay ngắn hạn VND</i>	<i>19.617.000.000</i>	<i>19.617.000.000</i>	-	-	19.617.000.000	19.617.000.000
Ngân hàng NN & PTNT Chi nhánh Bách Khoa	2.034.500.000	2.034.500.000	-	-	2.034.500.000	2.034.500.000
Ngân hàng NN & PTNT Chi nhánh Hà Thành	17.582.500.000	17.582.500.000	-	-	17.582.500.000	17.582.500.000
Vay ngắn hạn USD	4.341.914.690	4.341.914.690	-	2.914.365.397	7.256.280.087	7.256.280.087
Ngân hàng NN & PTNT Chi nhánh Bách Khoa	3.470.940.000	3.470.940.000	-	-	3.470.940.000	3.470.940.000
Ngân hàng NN & PTNT Chi nhánh Tràng An	870.974.690	870.974.690	-	2.914.365.397	3.785.340.087	3.785.340.087
Tổng	23.958.914.690	23.958.914.690	-	2.914.365.397	26.873.280.087	26.873.280.087

Ngân hàng NN & PTNT Bách khoa: Theo hợp đồng hạn mức tín dụng năm 2009 của Công ty số 1401LAV2009000653 ngày 10/7/2009; Lãi suất 25%/năm, thời hạn vay 01 năm.

Ngân hàng NN & PTNT Hà Thành: Theo Hợp đồng vay số: 1303-LAV-201000196 ngày 9/6/2010. Lãi suất vay 19%/năm, thời hạn 01 năm.

Ngân hàng NN & PTNT Tràng An: Biên bản làm việc hai bên ngày 6/3/2012, nội dung: lãi suất 16%/năm, thời hạn 01 năm.

Tất cả các hợp đồng vay này đến nay đã quá hạn, do Công ty không trả nợ gốc nên Ngân hàng không làm phụ lục gia hạn hợp đồng vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	97.299.300.000	1.245	(10.696.969.898)	86.602.331.347
Tăng trong năm	-	-	118.444.282	118.444.282
Lãi trong năm	-	-	118.444.282	118.444.282
Số dư tại 31/12/2019	97.299.300.000	1.245	(10.578.525.616)	86.720.775.629
Số dư tại 01/01/2020	97.299.300.000	1.245	(10.578.525.616)	86.720.775.629
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	(6.946.304.754)	(6.946.304.754)
Lỗ trong năm	-	-	(6.855.377.069)	(6.855.377.069)
Thuế GTGT theo công văn 1160/KTNN-CN-III	-	-	(90.927.685)	(90.927.685)
Số dư tại 31/12/2020	97.299.300.000	1.245	(17.524.830.370)	79.774.470.875

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH	95.658.300.000	-
Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội	-	95.658.300.000
Cổ đông khác	1.641.000.000	1.641.000.000
Tổng	97.299.300.000	97.299.300.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	97.299.300.000	97.299.300.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	97.299.300.000	97.299.300.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức chia lợi nhuận

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.729.930	9.729.930
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.729.930	9.729.930
Cổ phiếu phổ thông	9.729.930	9.729.930
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.729.930	9.729.930
Cổ phiếu phổ thông	9.729.930	9.729.930
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.747.585.714	33.585.068.822
Tổng	18.747.585.714	33.585.068.822

5.16 Giá vốn dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.407.110.533	19.813.557.671
Tổng	13.407.110.533	19.813.557.671

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	778.255.456	148.125.889
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	267.000.945	250.715.530
Tổng	1.045.256.401	398.841.419

5.18 Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	390.881.024	24.326.530
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	11.446.472	950
Tổng	402.327.496	24.327.480

5.19 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí bán hàng	3.389.343.063	3.467.746.610
Chi phí nhân viên	3.353.710.988	3.467.373.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	372.960
Chi phí bằng tiền khác	35.632.075	-
Chi phí quản lý	9.926.432.777	10.571.903.045
Chi phí nhân viên quản lý	5.258.785.301	6.393.056.540
Chi phí vật liệu quản lý	-	4.469.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	23.661.818	29.325.000
Thuế phí và lệ phí	143.473.797	138.634.282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.923.169.948	2.154.737.198
Chi phí bằng tiền khác	2.577.341.913	1.851.681.025
Tổng	13.315.775.840	14.039.649.655

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập khác		
Xử lý công nợ	476.994.685	-
Thu nhập khác	-	117.065.853
Tổng	476.994.685	117.065.853
Chi phí khác		
Chi phí khác	-	104.997.006
Tổng	-	104.997.006
Thu nhập khác thuần/chi phí khác (thuần)	476.994.685	12.068.847

5.21 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(6.855.377.069)	118.444.282
Thu nhập chịu thuế	(6.855.377.069)	118.444.282
Chuyển lỗ	-	118.444.282
Thu nhập tính thuế	(6.855.377.069)	-
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng	-	-

5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.855.377.069)	118.444.282
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.855.377.069)	118.444.282
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	9.729.930	9.729.930
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(704,57)	12,17

5.23 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	816.917.569	1.340.650.267
Chi phí nhân công	15.996.122.159	19.146.082.515
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.312.736.513	3.572.935.278
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.159.270.476	3.717.349.883
Chi phí khác bằng tiền	3.425.789.656	6.076.189.383
Tổng	26.710.836.373	33.853.207.326

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông

	Mối quan hệ	Tính chất Giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hội đồng Quản trị				
Nguyễn Đức Nam	Chủ tịch	Lương, thưởng và thù lao	187.814.000	266.444.000
Đặng Huy Hồng	Chủ tịch, đã miễn nhiệm	Lương, thưởng và thù lao	169.144.000	277.604.000
Trịnh Duy Chấn	Thành viên	Thù lao	-	9.500.000
Phạm Văn Thắng	Thành viên	Lương và thù lao	4.812.000	201.053.000
Ban Kiểm soát				
Lê Thị Hà	Trưởng ban	Lương, thưởng và thù lao	89.385.640	121.636.800
Vũ Đức Thắng	Thành viên	Lương và thù lao	69.298.112	88.187.100
Trần Việt Phương	Thành viên	Lương và thù lao	60.225.560	80.871.500
Ban Giám đốc				
Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	168.863.000	237.853.000
Đinh Tất Lợi	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	167.883.000	238.223.000
Kế toán trưởng				
Vương Tổ Loan	Trưởng phòng kế toán	Lương, thưởng và thù lao	77.228.768	107.511.760
Tổng			994.654.080	1.628.884.160

6.2 Thông tin so sánh

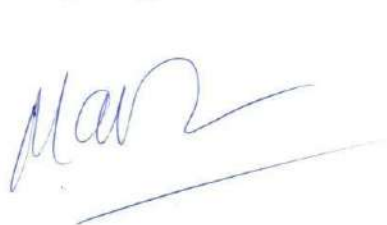
Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM, thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến ngoại trừ.

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng Quản trị





Đỗ Thị Phương Mai

Vương Thị Tổ Loan

Nguyễn Đức Nam

Số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM

Ngày 02 tháng 01 năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN*(Về việc ký các Văn bản, Hợp đồng và Báo cáo chuyên ngành)*

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc Hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Bộ Luật lao động số 10/2012/QH13 đã được Quốc Hội Nước Cộng hòa xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18/06/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM và các sửa đổi, bổ sung đến thời điểm hiện tại;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Tôi tên là **Nguyễn Phú Hà - Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc**, số Căn cước Công dân: 026072001408 do Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 07/11/2016, là Người đại diện theo pháp luật của **Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM**, địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam. Bằng Văn bản này ủy quyền cho: **Ông Vũ Ngọc Ân - Phó Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM**, số Chứng minh thư nhân dân: 036057000214 do Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 03/07/2015, thực hiện các công việc cụ thể như sau:

- Ký các Văn bản, Hồ sơ chào hàng, chào phí, Hồ sơ quan tâm, Hồ sơ đề xuất, Hồ sơ dự thầu, Hồ sơ làm rõ Hồ sơ quan tâm các dịch vụ tài chính chuyên ngành;
- Tham gia thương thảo, ký Biên bản thương thảo Hợp đồng, Hợp đồng, thư thỏa thuận cung cấp các dịch vụ tài chính chuyên ngành. Ký thanh lý Hợp đồng, Hóa đơn GTGT các dịch vụ thuộc phạm vi được phép kinh doanh của Công ty có giá trị từ 500 triệu đồng trở xuống;
- Ký các Báo cáo kiểm toán, Báo cáo kết quả công tác soát xét, Báo cáo tư vấn, Biên bản, Hồ sơ tư vấn các dịch vụ tài chính chuyên ngành;

Người được Ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của **Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM** và không được ủy quyền lại cho bên thứ 3. **Ông Vũ Ngọc Ân** chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Công ty và Pháp luật về những công việc do mình thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy Ủy quyền có hiệu lực từ ngày 02 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Giấy Ủy quyền này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, người ủy quyền giữ 01 bản, người được ủy quyền giữ 01 bản, 03 bản lưu tại bộ phận Văn thư lưu trữ của Công ty.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Phú Hà

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Vũ Ngọc Ân